

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS- PT

Ngày: 27/7/2018

V/v: tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hùng

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thu Hương

Bà Hoàng Lan Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T Thanh Hoá tham gia phiên tòa:***  
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Trong các ngày từ 24 đến 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2016/TLPT-DS ngày 10/10/2016 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Toà án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2016/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2016, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Hoàng Bùi C - sinh năm 1967  
Cư trú tại: Thôn Trạch Đồng, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hoá.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Đào X, sinh năm 1963, cư trú tại: số nhà 07 C, phường S, thành phố Thanh Hoá. Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 19/10/2016). Có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Vũ Thị T - sinh năm 1945  
Cư trú tại: Thôn H 1, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hoá.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*** Ông Lại Thế H-Luật sư, Công ty Luật hợp danh G, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá. có mặt

***-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Hoàng Thị Ch - sinh năm 1968  
Cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Hoàng Bùi Đ - sinh 1973  
Cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện X, Thanh Hoá.  
(Chị Ch, anh Đ uỷ quyền cho anh Hoàng Bùi C).

3. Chị Hoàng Thị H - sinh năm 1982

Cư trú tại: Thôn Sui, xã Văn Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

4. Chị Hoàng Thị Ha - sinh năm 1984

Cư trú tại: SN106 hẻm 4 Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Chị Hoàng Thị Ho - sinh năm 1987.

Cư trú tại: Tổ 6C khu phố 4, phường Trảng Dài, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, chị Ha, chị Ho ủy quyền cho bà Vũ Thị T).

-*Người kháng cáo:* bị đơn bà Vũ Thị T, người có quyền lợi liên quan chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Bùi C trình bày:*

Bố anh là ông Hoàng Bùi N, mẹ anh là bà Hoàng Thị C sinh được 4 con chung gồm: Hoàng Thị Ch, Hoàng Bùi C, Hoàng Thị M, Hoàng Bùi Đ. Bố mẹ anh có khối tài sản chung là 1.275m<sup>2</sup> đất ở tại thôn H, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hoá. Năm 1978 bố mẹ anh ly hôn. Bà C đem theo hai con là Đ và M đi sinh sống nơi khác, để lại tài sản là nhà và đất cho ông N và hai con là C và Ch ở cùng ông N quản lý sử dụng. Năm 1980 ông N kết hôn với bà Vũ Thị T, bà T về chung sống cùng ông N và có 03 con chung là Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho. Năm 1993 chị M chết (không có chồng, con). Năm 2008, ông Hoàng Bùi N chết không để lại di chúc. Từ khi ông N chết bà T và các con của bà T và ông N vẫn sinh sống trên mảnh đất này. Nay anh C đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông N để lại. Anh xác định  $\frac{1}{2}$  diện tích đất trên là của bà Vũ Thị T, còn lại  $\frac{1}{2}$  diện tích đất là di sản của bố anh để lại. Anh đề nghị Tòa án chia đều cho các hàng thừa kế của ông N gồm 7 người là bà Vũ Thị T, anh (Hoàng Bùi C), anh Hoàng Bùi Đ, chị Hoàng Thị Ch, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị Ha, chị Hoàng Thị Ho. Diện tích đất này hiện nay bà T đang quản lý và sử dụng. Anh yêu cầu chia thừa kế bằng đất để anh có nơi làm nhà thờ, thờ cúng tổ tiên.

*\* Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:*

Năm 1967, ông Hoàng Bùi N và bà Hoàng Thị Chút kết hôn và sinh được 4 người con là Hoàng Thị Ch, Hoàng Bùi C, Hoàng Thị Mai, Hoàng Bùi Đ. Năm 1980, ông N và bà Chút ly hôn. Tòa án đã giải quyết về nuôi con và tài sản, ông Hoàng Bùi N được giao nuôi 2 con là C và Ch và ở lại căn nhà lá của vợ chồng; bà Chút được giao nuôi 2 con là Đức và Mai và được ông N bồi thường một khoản tiền để đi nơi khác sinh sống. Sau đó bà Chút được Nhà nước cấp đất tại thôn Trạch Câu, xã T, huyện X. Năm 1981, bà kết hôn cùng ông N và sống cùng ông N trên nhà đất ông N đã có từ trước. Bà và ông N có 3 con chung là Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho. Năm 1993 được Nhà nước cấp đất, năm 1994 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện X

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) diện tích 1.275m<sup>2</sup> trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 1.075m<sup>2</sup> đất vườn tạp sử dụng lâu dài tại thửa số 69, tờ bản đồ số 2 mang tên ông Hoàng Bùi N, địa chỉ: thôn Hồng 1, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1997, vợ chồng bà đã chia cho anh C (con trai riêng của ông N) 231m<sup>2</sup> đất vườn để làm nhà và tách hộ, diện tích còn lại 1.044 m<sup>2</sup> trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 844 m<sup>2</sup> đất vườn. Năm 2007, ông N viết di chúc chia phần tài sản của ông N là 100 m<sup>2</sup> đất ở và 422m<sup>2</sup> đất vườn cho 03 người con chung của bà và ông N là Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho. Năm 2008 ông N chết, trong lúc làm đám tang đã bị mất trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Nay anh C làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ½ diện tích đất này cho các hàng thừa kế của ông N, bà không đồng ý. Bà T đề nghị Tòa án chia tài sản theo di chúc ông N để lại.

*\* Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Hoàng Bùi Đ, chị Hoàng Thị Ch trình bày: Anh Đức, chị Ch thống nhất như nội dung anh Hoàng Bùi C trình bày, nay anh C làm đơn khởi kiện đề nghị chia thừa kế của ông Hoàng Bùi N theo pháp luật, anh Đ, chị Ch đồng ý và đề nghị được nhận phần thừa kế của mình bằng đất để anh C làm nơi thờ cúng tổ tiên. Anh Đ, chị Ha ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án.

- Chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho trình bày: Các chị thống nhất như nội dung bà T khai, đề nghị Tòa án chia thừa kế của ông N theo di chúc. Chị H, chị Ha, chị Ho ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án.

Ngày 22/4/2016 Tòa án nhân dân huyện X có công văn số 68/CV-TA đề nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện X cung cấp các thông tin về địa chính đối với thửa đất đang tranh chấp. Ngày 31/5/2016 UBND xã T, huyện X có công văn số 15 trả lời: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Hoàng Bùi N, được Nhà nước giao đất, bà T thay mặt gia đình báo cáo là GCNQSD đất đã bị mất. Căn cứ vào sổ giao ruộng đất lâu dài lập năm 1994 chủ sử dụng là ông Hoàng Bùi N tại thửa 103, tờ bản đồ số 2 (tức thửa 69, tờ bản đồ số 02), có tổng diện tích 1.275m<sup>2</sup>. Hiện trạng thửa đất hiện nay gia đình bà T đang sử dụng không có gì thay đổi so với thời điểm ông N được cấp GCNQSD đất. Theo hồ sơ quản lý địa chính từ năm 1993 đến nay, anh C không có phần diện tích 231m<sup>2</sup> đất vườn. Theo bản đồ đo đạc mới, diện tích hiện nay bà T đang sử dụng là 1.115,4m<sup>2</sup>.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/8/2016, Hội đồng định giá xác định hiện trạng thửa đất có diện tích 1.115,4m<sup>2</sup> bao gồm 200m<sup>2</sup> đất ở và 915,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Các đương sự không xác định được giá nên đề nghị Hội đồng định giá định giá tài sản. Hội đồng định giá đã căn cứ Quyết định 4545/2014/QĐUB của UBND tỉnh Thanh Hóa về quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019, kết quả định giá như sau:

Trị giá đất ở là :  $200 \text{ m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 60.000.000\text{đ}$ .

Đất trồng cây lâu năm là  $915,4\text{m}^2 \times 27.000\text{đ}/\text{m}^2 = 24.715.800\text{đ}$ .

Tổng cộng = 84.715.800đ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2016 và biên bản hòa giải ngày 22/8/2016, anh Hoàng Bùi C và bà Vũ Thị T thống nhất: Hiện trạng thửa đất có diện tích  $1.115,4\text{m}^2$  (bao gồm  $200\text{m}^2$  đất ở và  $915,4\text{m}^2$  đất trồng cây lâu năm) hiện nay không có tranh chấp với các thửa đất xung quanh. Di sản thừa kế của Hoàng Bùi N là  $\frac{1}{2}$  trong tổng diện tích đất  $1.115,4\text{m}^2$ . Cụ thể:  $\frac{1}{2}$  diện tích đất có 01 nhà cấp 4 đã cũ và ao sen là tài sản của bà Vũ Thị T. Di sản thừa kế của ông Hoàng Bùi N là  $1.115,4\text{m}^2 : 2 = 557,7\text{m}^2$  trong đó có  $100\text{m}^2$  đất ở và  $457,7\text{m}^2$  đất trồng cây lâu năm. Di sản này nằm ở phần đất trống, vị trí:

- Phía Bắc giáp đất của bà T dài 27,4m.
- Phía Nam giáp ngõ đi dài 27,4m.
- Phía Tây giáp đường liên thôn rộng 20,35m (làm tròn số).
- Phía Đông giáp đất ông Hoàng Bùi Th rộng 20,35m.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện X áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, khoản 1 Điều 653, Điều 674, điểm b khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 và khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Bùi C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hoàng Bùi N theo pháp luật.

- Không công nhận bản di chúc của ông Hoàng Bùi N lập ngày 29/8/2007 là hợp pháp.

Xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Bùi N là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất trong tổng diện tích đất  $1.115,4\text{m}^2 = 557,7\text{m}^2$  trong đó có  $100\text{m}^2$  đất ở và  $457,7\text{m}^2$  đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2 ở thôn Hồng 1, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa có giá trị bằng 42.357.900đ.

Phần giá trị nhà và đất còn lại là tài sản của bà Vũ Thị T.

Chia di sản thừa kế của ông Hoàng Bùi N cho 07 người gồm: Bà Vũ Thị T, anh Hoàng Bùi C, chị Hoàng Thị Ch, anh Hoàng Bùi Đ, chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị Ha, chị Hoàng Thị Ho. Cụ thể mỗi kỹ phần thừa kế được nhận  $14,285\text{m}^2$  đất ở và  $65,385\text{m}^2$  đất trồng cây lâu năm trị giá 6.050.000đ (làm tròn số).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Bùi C, chị Hoàng Thị Ch và anh Hoàng Bùi Đ giao kỹ phần thừa kế bằng đất của chị Ch, anh Đức được hưởng cho anh C để làm nhà thờ. Anh C được nhận 3 kỹ phần =  $42,85\text{m}^2$  đất ở và  $196,15\text{m}^2$  đất trồng cây lâu năm.

Cụ thể : Anh C được quyền sử dụng  $42,85\text{m}^2$  đất ở :

- + Phía Bắc giáp đất của bà T được chia dài 4,92m (làm tròn số).
- + Phía Nam giáp ngõ đi dài 4,92m (làm tròn số).
- + Phía Tây giáp đường liên thôn rộng 8,7m.
- + Phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm được chia rộng 8,7m.

Và 196,15m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (Diện tích đất trồng cây lâu năm nằm phía sau của diện tích đất ở được chia).

- + Phía Bắc giáp đất của bà T được chia dài 22,48m (làm tròn số).
- + Phía Nam giáp ngõ đi dài 22,48m (làm tròn số).
- + Phía Tây giáp đất ở được chia rộng 8,7m
- + Phía Đông giáp đất ông Hoàng Bùi Thu rộng 8,7m.

Bà Vũ Thị T được quyền sử dụng 57,15m<sup>2</sup> đất ở và 261,55m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (Diện tích đất tiếp giáp đất anh C được chia).

Cụ thể : Bà T được quyền sử dụng 57,15m<sup>2</sup> đất ở :

- + Phía Bắc giáp đất của bà T dài 4,9m (làm tròn số).
- + Phía Nam giáp đất anh C được chia dài 4,9m (làm tròn số).
- + Phía Tây giáp đường liên thôn rộng 11,65m.
- + Phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm được chia rộng 11,65m.

Và 261,55m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (Diện tích đất trồng cây lâu năm nằm phía sau của diện tích đất ở được chia).

- + Phía Bắc giáp đất của bà T dài 22,45m (làm tròn số).
- + Phía Nam giáp đất anh C được chia dài 22,45m (làm tròn số).
- + Phía Tây giáp đất ở được chia rộng 11,65m
- + Phía Đông giáp đất ông Hoàng Bùi Thu rộng 11,65m.

Bà T có nghĩa vụ trả tiền tương đương với giá trị đất cho chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho mỗi người 6.050.000đ.

Bà T được nhận 6.000.000đ tiền công sức duy trì, bảo quản tài sản từ anh C, chị Ch, anh Đức, chị H, chị Ho, chị Ha.

Anh C, chị Ch, anh Đức, chị H, chị Ho, chị Ha có trách nhiệm trả cho bà T công sức duy trì, bảo quản tài sản mỗi người 1.000.000đ.

Anh C, bà T có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2016, bà T kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm công nhận di chúc của ông Hoàng Bùi N đã để lại tài sản cho bà và các con

bà, và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của anh Hoàng Bùi C về chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

Ngày 20/9/2016, chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho có đơn kháng cáo với nội dung: Bố các chị đã lập di chúc cho các chị diện tích đất ở, Toà án nhân dân huyện X huỷ di chúc các chị không đồng ý.

Ngày anh Hoàng Bùi C yêu cầu trưng cầu giám định, nhưng Phòng kỹ thuật hình sự không có căn cứ giám định, vì thiếu mẫu so sánh giám định.

Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án .

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bản di chúc do ông Hoàng Bùi N lập ngày 29/8/2007 nội dung để lại  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa đất cho chị Hằng, chị Hạnh và chị Hồng,  $\frac{1}{2}$  ngôi nhà cấp bốn, bốn gian cho bà T, ông N lập di chúc trong trạng thái tinh thần bình thường, có hai người làm chứng, có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã T, di chúc không thể hiện nơi để lại di sản, nhưng ngoài thửa đất trên ông N không còn tài sản nào khác. Trước khi lập di chúc, ông N đã có giấy xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã T ngày 26/8/2007, thể hiện ông N chỉ để lại tài sản là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã T. Di chúc của ông N lập ngày 29/8/2007 là hợp pháp đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của anh Hoàng Bùi C, công nhận bản di chúc do ông Hoàng Bùi N lập ngày 29/8/2007 là hợp pháp.

Quan điểm của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Di chúc không hợp pháp, vì: Di sản ông N để lại không có địa chỉ; người làm chứng là Hoàng Bùi Tiệp hay Hoàng Văn Tiệp; Chị Hoàng Thị H là người con được hưởng di chúc là người viết di chúc là không khách quan. Đề nghị không công nhận di chúc, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Bùi C.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Di chúc của ông N lập ngày 29/8/2007 là hợp pháp vì: Có ông Tiệp và ông Yên là người làm chứng, được Uỷ ban nhân dân xã chứng thực, không có quy định nào cấm con không được viết di chúc hộ cho bố; địa điểm của di sản: là  $\frac{1}{2}$  tài sản trong khối tài sản chung của ông N và bà T, tại thôn Hồng 1, xã T, huyện X, Thanh Hoá, ngoài tài sản chung với bà T ông N không còn tài sản nào khác. Đề nghị công nhận di chúc ngày 29/8/2007 của ông N là hợp pháp, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Luật sư, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc giải quyết vụ án .

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 1.115,4m<sup>2</sup> (diện tích thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2016 của Toà án nhân dân huyện X) mà các đương sự yêu cầu chia thừa kế, tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số

2 bản đồ địa chính xã T năm 2002, địa chỉ thôn Hồng 1, xã T, huyện X là tài sản chung của ông Hoàng Bùi N (chết năm 2008) và bà Vũ Thị T.

[2] Về bản di chúc ông Hoàng Bùi N lập ngày 29/8/2007: Theo nội dung di chúc ông Hoàng Bùi N để lại tài sản cho ba người con gái là chị Hoàng Thị H, Hoàng Thị Ha, Hoàng Thị Ho tài sản gồm 100m<sup>2</sup> đất ở, 422m<sup>2</sup> đất vườn tạp, ½ nhà ngói 04 gian để lại cho bà T. Cụ thể: Hoàng Thị H đất ở 34m<sup>2</sup>, đất vườn tạp 142m<sup>2</sup>; Hoàng Thị Ha đất ở 33m<sup>2</sup>, đất vườn tạp 140m<sup>2</sup>; Hoàng Thị Ho đất ở 33m<sup>2</sup>, đất vườn tạp 140m<sup>2</sup>; riêng ½ căn nhà ngói 04 gian ông để lại cho vợ ông là bà Vũ Thị T. Bản di chúc có hai người làm chứng ký xác nhận là ông Hoàng Bùi N và Hoàng Bùi Yên, ngoài ra còn có ông Lê Sỹ Luân là cán bộ Tư pháp xã T xác nhận. Bà T thừa nhận chữ viết trong bản di chúc là do chị Hoàng Thị H con ông N và bà T, ông N biết đọc, biết viết, nhưng thời điểm đó mắt ông kém, tay run nên không thể tự viết được. Ông Lê Sỹ Luân, ông Hoàng Bùi Yên đều thừa nhận nội dung di chúc do con gái ông N và bà T viết, sau đó ông Luân đã đọc lại cho ông N nghe, ông N ký vào bản di chúc, ông Lê Sỹ Luân cũng chứng kiến, và xác nhận vào bản di chúc.

[3] Theo quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự 2005: “Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng”. Bản di chúc ngày 29/8/2007 do ông N lập do chị Hoàng Thị H viết, sau đó đã được đọc lại cho ông N nghe và ký vào bản di chúc. Do đó, về hình thức của bản di chúc tuân thủ quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự 2005.

[4] Về nơi để lại di sản thừa kế của ông Hoàng Bùi N: Trong bản di chúc, tài sản của ông N để lại làm di sản thừa kế không có mốc giới, địa chỉ là không tuân thủ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 653 Bộ luật Dân sự 2005. Tuy nhiên, trong di chúc thể hiện tài sản ông để lại thừa kế khi chết là tài sản chung của ông và bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện ông N và bà T chỉ có duy nhất thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp, và đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 26/8/2007 về tài sản của ông N là thửa đất 69, tờ bản đồ số 2, tại thôn Hồng 1, T, X. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm d khoản 1 Điều 653: “nội dung di chúc phải ghi rõ: d) Di sản để lại và nơi có di sản”, nhưng trong di chúc không thể hiện là vi phạm, và di chúc không có giá trị pháp lý là không đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ liên quan đến nội dung bản di chúc.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ khẳng định ngày 29/8/2007, ông Hoàng Bùi N đã lập di chúc để lại ½ diện tích đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã T năm 2002, tại thôn Hồng 1, xã T, huyện X cho chị Hằng, chị Hạnh, chị Hồng, và ½ ngôi nhà cấp 4 cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ nội dung di chúc không thể hiện nơi có di sản để không chấp nhận nội dung di chúc là không chính xác.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, trong các bản tự khai và biên bản hoà giải, và tại phiên tòa, bà Vũ Thị T đều có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông N để lại theo di chúc. Tại Tòa án cấp phúc, như đã phân tích trên bản di chúc của ông N lập ngày 29/8/2007 là hợp pháp. Nhưng Hội đồng xét xử phúc

thẩm không thể chia di sản của ông Hoàng Bùi N để lại theo di chúc, vì nội dung này, Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét, và cũng không đủ chứng cứ tài liệu để Hội đồng xét xử chia theo di chúc, và nếu chia di sản thừa kế của ông N sẽ ảnh hưởng đến quyền của các đương sự. Vì vậy, cần huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[6] Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Bà T chị H, chị Ho, chị Ha không phải chịu.
- Án phí sơ thẩm: Được xem xét lại trong quá trình giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện X và giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà T, chị H, chị Ho, chị Ha không phải chịu. Trả lại cho bà T, chị Hằng, chị Hồng, chị Hạnh mỗi người 200.000đ, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/138; AA/2014/139; AA/2014/140; AA/2014/141 ngày 27/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X (bà T là người nộp thay).

- Án phí sơ thẩm: Được xác định khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.  
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND T Thanh Hóa;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Hùng**